



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

1

PHỤ LỤC 01a

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀO LÀM VIỆC TẠI CÁC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ KHU VỰC PHÍA
BẮC VÀ MỘT SỐ ĐƠN VỊ TẠI NHNN TRUNG ƯƠNG (CƠ QUAN THANH TRA
GIÁM SÁT NGÂN HÀNG, CỤC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN) NĂM 2022**

- CVNV: Chuyên viên Nghiệp vụ
- CV PTPC: Chuyên viên Phát triển phần cứng
- CV PTPM: Chuyên viên Phát triển phần mềm

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A	A	KHU VỰC CÁC TỈNH PHÍA BẮC									
I	I	NHNN CHI NHÁNH HÀ NAM (11 thí sinh)									
1	1	Phạm Ngọc Chính		21-01-1999	CVNV	Hà Nam	ĐH Ngoại Thương		Con TB		
2	2	Trần Đồng Chính	07-10-1999		CVNV	Hà Nam	ĐH KTQD				
3	3	Nguyễn Đức Dũng	08-09-1994		CVNV	Hà Nam	HVTC				
4	4	Vũ Tiến Đạt	16-09-2000		CVNV	Hà Nam	HVTC				
5	5	Lương Thị Thu Hà		16-07-1998	CVNV	Hà Nam	HVTC				
6	6	Nguyễn Thu Hiền		24-08-1991	CVNV	Hà Nam	HVTC				
7	7	Lê Đỗ Khánh Linh		02-10-1999	CVNV	Hà Nam	HVTC				
8	8	Trần Thị Thanh Ngân		29-11-2000	CVNV	Hà Nam	HVTC				
9	9	Nguyễn Phương Nhung		24-09-1999	CVNV	Hà Nam	ĐH KTQD				
10	10	Nguyễn Phương Trâm		29-09-1999	CVNV	Hà Nam	HVTC				
11	11	Đỗ Thị Uyên		05-11-1988	CVNV	Hà Nam	ĐH KTQD			Ths	
II	II	NHNN CHI NHÁNH HẢI PHÒNG (60 thí sinh)									
12	1	Đặng Thị Hải Anh		25-4-1993	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
13	2	Lê Thị Phương Anh		30-11-1994	CVNV	Hải Phòng	HVNH			Ths	
14	3	Nguyễn Tâm Anh		26-12-1999	CVNV	Hải Phòng	HVNH				
15	4	Vũ Ngọc Anh		21-11-1994	CVNV	Hải Phòng	HVTC			Ths	
16	5	Dương Thị Quỳnh Chi		12-4-1997	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
17	6	Nguyễn Thị Chung		17-02-2000	CVNV	Hải Phòng	HVNH		Con TB		
18	7	Vũ Lân Dũng	05-9-1997		CVNV	Hải Phòng	HVNH			Ths	
19	8	Đặng Thùy Dương		05-10-1995	CVNV	Hải Phòng	ĐH Mở HN				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
20	9	Hoàng Thùy Dương		16-10-1998	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
21	10	Phạm Thị Thùy Dương		25-01-1993	CVNV	Hải Phòng	ĐH Công nghệ Curtin - Úc	x			Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
22	11	Trần Tiến Đạt	25-01-1999		CVNV	Hải Phòng	ĐH Hàng hải				
23	12	Nguyễn Nữ Hương Giang		07-8-1984	CVNV	Hải Phòng	ĐH Công đoàn			Ths	
24	13	Nguyễn Thị Hà		06-10-1987	CVNV	Hải Phòng	HVTC	x		Ths	Cử nhân TA
25	14	Nguyễn Thị Minh Hà		28-6-1997	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
26	15	Trần Thị Thu Hằng		07-9-1994	CVNV	Hải Phòng	ĐH SPKT Hưng Yên				
27	16	Lê Thị Thu Hiền		08-12-1997	CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD				
28	17	Vũ Thị Hòa		23-01-1998	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
29	18	Hoàng Như Hữu	25-02-1998		CVNV	Hải Phòng	ĐH Hàng hải				
30	19	Bùi Thị Thu Huyền		07-01-1997	CVNV	Hải Phòng	ĐH Hàng hải				
31	20	Nguyễn Thanh Huyền		31-12-1996	CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD				
32	21	Nguyễn Thị Huyền		16-7-1987	CVNV	Hải Phòng	ĐH Kinh tế TP HCM				
33	22	Vũ Thị Huyền		04-01-1994	CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD				
34	23	Vũ Thu Huyền		26-6-1987	CVNV	Hải Phòng	HVNH			Ths	
35	24	Phạm Lê Việt Hưng	31-01-1994		CVNV	Hải Phòng	ĐH Hải Phòng				
36	25	Bế Thị Hương		15-01-1998	CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD		DT Tây		
37	26	Lương Thị Thanh Hương		17-11-1992	CVNV	Hải Phòng	HVTC			Ths	
38	27	Phạm Thị Thu Hương		27-03-1989	CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD				
39	28	Đặng Thị Bích Hường		26-5-1997	CVNV	Hải Phòng	HV Chính sách và PT				
40	29	Nguyễn Văn Khải	30-7-1991		CVNV	Hải Phòng	ĐH Hải Dương				
41	30	Nguyễn Quang Linh	17-9-1994		CVNV	Hải Phòng	HVNH			Ths	
42	31	Phan Vũ Nhật Linh		22-9-1998	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
43	32	Nguyễn Thị Minh		01-6-1985	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
44	33	Đào Văn Nam	20-9-1997		CVNV	Hải Phòng	HVTC			Ths	
45	34	Nguyễn Thị Việt Nhi		08-9-1995	CVNV	Hải Phòng	ĐH Thủy Lợi				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
46	35	Phạm Thị Nhung		24-8-1994	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
47	36	Bùi Thị Kim Ngân		01-10-1993	CVNV	Hải Phòng	HVNH				
48	37	Trịnh Hồng Ngọc		19-01-1998	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
49	38	Trương Thị Bích Ngọc		07-02-1987	CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD			Ths	
50	39	Nguyễn Thị Phương		10-6-1989	CVNV	Hải Phòng	ĐH kinh tế-ĐHQGHN				
51	40	Nguyễn Thu Phương		26-01-2000	CVNV	Hải Phòng	HVTC				
52	41	Phạm Đỗ Thanh Phương		07-7-1998	CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD				
53	42	Phùng Thị Thu Phương		01-9-1985	CVNV	Hải Phòng	ĐH Thương mại				
54	43	Vũ Mai Phương		30-01-1997	CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD				
55	44	Phùng Trần Phương		16-12-1987	CVNV	Hải Phòng	ĐH kinh tế-ĐHQGHN				
56	45	Phạm Thanh Tâm		22-01-1999	CVNV	Hải Phòng	ĐH Hàng hải				
57	46	Vũ Thị Phương Thảo		25-9--1998	CVNV	Hải Phòng	ĐH Thương mại				
58	47	Nguyễn Minh Thịnh	13-10-1987		CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD				
59	48	Đào Thị Thu Thủy		19-01-2000	CVNV	Hải Phòng	HVNH				
60	49	Đặng Thị Thu Thủy		20-7-2000	CVNV	Hải Phòng	HVNH				
61	50	Nguyễn Thị Hoài Thu		18-5-1991	CVNV	Hải Phòng	HVTC			Ths	
62	51	Đỗ Thị Trang		27-02-1992	CVNV	Hải Phòng	HVNH				
63	52	Nguyễn Thị Thu Trang		26-3-1987	CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD			Ths	
64	53	Trần Thị Đoan Trang		04-10-1979	CVNV	Hải Phòng	HVTC	x			Cử nhân TA
65	54	Trần Thị Như Trang		29-3-1982	CVNV	Hải Phòng	ĐH DL Quản lý và KD HN			Ths	
66	55	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		17-01-1996	CVNV	Hải Phòng	ĐH Ngoại Thương				
67	56	Đỗ Thanh Tú	13-11-1990		CVNV	Hải Phòng	ĐH KTQD				
68	57	Đặng Thị Thanh Tuyền		02-11-1997	CVNV	Hải Phòng	HVNH				
69	58	Trần Anh Văn	17-9-1998		CVNV	Hải Phòng	HV Nông nghiệp VN				
70	59	Bùi Hải Yến		06-8-1995	CVNV	Hải Phòng	ĐH Thương mại				
71	60	Nguyễn Thị Yến		28-9-1994	CVNV	Hải Phòng	HVTC				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
III	III	NHNN CHI NHÁNH HƯNG YÊN (31 thí sinh)									
72	1	Ngô Thị Phương Anh		03-02-1996	CVNV	Hưng Yên	HVTC				
73	2	Trần Tuấn Anh	24-6-1999		CVNV	Hưng Yên	HVNH				
74	3	Ngô Thanh Bình	11-10-1983		CVNV	Hưng Yên	HVNH				
75	4	Hoàng Đức Dũng	11-4-1999		CVNV	Hưng Yên	HVTC				
76	5	Nguyễn Tiến Dũng	25-5-1994		CVNV	Hưng Yên	HVTC				
77	6	Nguyễn Hữu Dương	21-7-2000		CVNV	Hưng Yên	ĐH Toulon (lk HVTC)	x			Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
78	7	Đinh Hữu Đạt	22-8-1996		CVNV	Hưng Yên	HVNH				
79	8	Nguyễn Thị Thúy Hà		16/10/2000	CVNV	Hưng Yên	ĐH Ngoại Thương				
80	9	Nguyễn Thị Hải		13-9-1999	CVNV	Hưng Yên	ĐH Tài chính - QTKD				
81	10	Bùi Thu Hiền		7-10-1991	CVNV	Hưng Yên	ĐH KTQD				
82	11	Bùi Thị Huệ		18-9-1997	CVNV	Hưng Yên	ĐH Tài chính - QTKD				
83	12	Bùi Thu Hương		21-6-1997	CVNV	Hưng Yên	ĐH KTQD				
84	13	Cao Nguyễn Thu Hương		07/9/2000	CVNV	Hưng Yên	HV Chính sách và PT				
85	14	Hoàng Mai Hương		16-12-1998	CVNV	Hưng Yên	HVNH				
86	15	Nguyễn Thị Luyến		19-6-1999	CVNV	Hưng Yên	HVTC				
87	16	Lương Thị Ngọc Mai		20-7-1999	CVNV	Hưng Yên	HVNH				
88	17	Phạm Văn Mạnh	07-6-1990		CVNV	Hưng Yên	ĐH Chu Văn An				
89	18	Nguyễn Thị Cẩm Mi		26-7-1997	CVNV	Hưng Yên	ĐH KTQD				
90	19	Nguyễn Thị My		18-9-1998	CVNV	Hưng Yên	ĐH KTQD				
91	20	Nguyễn Thị Diệu Ngọc		11-11-1997	CVNV	Hưng Yên	ĐH KTQD				
92	21	Đào Đức Phú	16-10-1995		CVNV	Hưng Yên	HVNH				
93	22	Trần Thị Như Quỳnh		03-6-1989	CVNV	Hưng Yên	HVNH				
94	23	Trịnh Đức Thái	12-8-1990		CVNV	Hưng Yên	ĐH KTQD			Ths	
95	24	Nguyễn Phương Thảo		30-8-2000	CVNV	Hưng Yên	HVTC				
96	25	Nguyễn Thị Thảo		10-01-1996	CVNV	Hưng Yên	HVNH				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
97	26	Vũ Đức Thắng	08-8-1990		CVNV	Hưng Yên	HVTC				
98	27	Vũ Thị Minh Thư		02-10-1990	CVNV	Hưng Yên	HVNH				
99	28	Tạ Ngọc Trâm		31-10-2000	CVNV	Hưng Yên	ĐH KTQD				
100	29	Nguyễn Đào Phương Uyên		24-8-1998	CVNV	Hưng Yên	ĐH KTQD				
101	30	Lê Quang Vinh	09-10-1990		CVNV	Hưng Yên	ĐH Thương mại				
102	31	Nguyễn Hà Vy		25-10-2000	CVNV	Hưng Yên	HV Nông nghiệp VN				
IV	IV	NHNN CHI NHÁNH NAM ĐỊNH (52 thí sinh)									
103	1	Vũ Hữu Anh	23-12-1999		CVNV	Nam Định	ĐH Công nghiệp HN				
104	2	Nguyễn Tú Anh		17-08-1994	CVNV	Nam Định	ĐH Ngoại Thương	x		Ths	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp
105	3	Phan Mỹ Anh		23-09-1998	CVNV	Nam Định	HVTC (lk ĐH Greenwich)	x			Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
106	4	Nguyễn Thị Anh		28-11-2000	CVNV	Nam Định	ĐH Công nghiệp HN				
107	5	Vũ Linh Chi		18-9-2000	CVNV	Nam Định	ĐH KTQD				
108	6	Nguyễn Phương Dung		20-10-1998	CVNV	Nam Định	ĐH KTQD				
109	7	Hoàng Đức Dũng	11-4-1999		CVNV	Nam Định	HVTC				
110	8	Nguyễn Thùy Dương		28-9-1993	CVNV	Nam Định	ĐH Sunderland (lk HVNH)	x			Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
111	9	Bùi Vũ Việt Hà	23-01-1996		CVNV	Nam Định	HVTC			Ths	
112	10	Ngô Phương Hà		15-8-2000	CVNV	Nam Định	HVNH				
113	11	Trần Ngọc Hải	23-10-1994		CVNV	Nam Định	HVTC				
114	12	Đặng Thị Thu Hiền		20-10-1996	CVNV	Nam Định	HVTC				
115	13	Phạm Thị Hoa		20-03-1991	CVNV	Nam Định	ĐH Thành Tây				
116	14	Trần Thị Hoa		24-10-1997	CVNV	Nam Định	ĐH KTQD		DT Hán		
117	15	Nguyễn Thị Hồng		29-03-1994	CVNV	Nam Định	HVTC				
118	16	Đặng Trần Minh Hùng	07-03-1988		CVNV	Nam Định	ĐH KTQD			Ths	
119	17	Đỗ Thị Hương		11-04-1998	CVNV	Nam Định	HVNH				
120	18	Hà Thị Hương		10-4-1999	CVNV	Nam Định	ĐH KTQD				
121	19	Mai Thu Hương		04-8-1996	CVNV	Nam Định	HVTC			Ths	

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
122	20	Nguyễn Quang Huy	10-4-1991		CVNV	Nam Định	ĐH Ngoại Thương		HT nghĩa vụ QS		
123	21	Phạm Thị Liễu		20-4-1998	CVNV	Nam Định	HVTC				
124	22	Nguyễn Thùy Linh		13-11-1995	CVNV	Nam Định	ĐH Ngoại Thương				
125	23	Đoàn Thị Thùy Linh		22-7-1991	CVNV	Nam Định	HVTC				
126	24	Nguyễn Phương Linh		23-6-1993	CVNV	Nam Định	HVTC				
127	25	Trần Thị Hương Ly		29-6-1999	CVNV	Nam Định	HVNH				
128	26	Mai Thị Mến		10-02-1989	CVNV	Nam Định	ĐH kinh tế-ĐHQGHN	x			Cử nhân TA
129	27	Phạm Ngọc Nguyệt Minh		14-11-2000	CVNV	Nam Định	HVNH				
130	28	Trần Lê Minh	03-05-1996		CVNV	Nam Định	ĐH Sunderland (lk HVNH)	x		Ths	Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
131	29	Nguyễn Quỳnh Nga		02-10-1996	CVNV	Nam Định	HVTC			Ths	
132	30	Trịnh Thị Hồng Nga		24-01-1991	CVNV	Nam Định	HVNH			Ths	
133	31	Nguyễn Thị Ngà		31-3-1993	CVNV	Nam Định	ĐH Công nghiệp HN		Con bệnh binh		
134	32	Trần Thị Ngọc		24-01-1990	CVNV	Nam Định	HVNH		Con TB		
135	33	Đinh Thị Phương Nhung		09-06-1996	CVNV	Nam Định	HVTC				
136	34	Nguyễn Thị Hồng Nhung		29-12-1995	CVNV	Nam Định	ĐH Tài chính - QTKD				
137	35	Cao Thị Nhung		06-02-1989	CVNV	Nam Định	HVNH		Con TB	Ths	
138	36	Nguyễn Thị Thu Phương		16-4-1998	CVNV	Nam Định	HVTC				
139	37	Nguyễn Thu Phương		16-12-2000	CVNV	Nam Định	HVNH				
140	38	Lê Thị Quý		27-9-1995	CVNV	Nam Định	HVNH			Ths	
141	39	Nguyễn Mai Ngọc Quỳnh		19-9-2000	CVNV	Nam Định	HVNH				
142	40	Nguyễn Thu Thảo		11-3-1993	CVNV	Nam Định	HVNH				
143	41	Trần Thu Thảo		02-11-2000	CVNV	Nam Định	HVNH				
144	42	Trần Phương Thịnh	26-11-1994		CVNV	Nam Định	ĐH Ngoại Thương				
145	43	Chu Đức Thịnh	13-01-1999		CVNV	Nam Định	HVNH				
146	44	Lưu Thị Thu Thủy		30-10-1997	CVNV	Nam Định	ĐH Mô địa chất				
147	45	Vũ Mạnh Tiến	24-12-1991		CVNV	Nam Định	ĐH KD và công nghệ HN				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
148	46	Đoàn Thị Thu Trà		21-02-1996	CVNV	Nam Định	HVTC				
149	47	Trần Quang Trung	14-10-1999		CVNV	Nam Định	ĐH Kinh tế TP HCM				
150	48	Đặng Hoàng Tùng	22-3-1995		CVNV	Nam Định	HVNH				
151	49	Trương Văn Tùng	07-4-1998		CVNV	Nam Định	ĐH kinh tế-ĐHQGHN				
152	50	Bùi Thanh Xuân		21-10-1999	CVNV	Nam Định	ĐH KT Kỹ thuật CN				
153	51	Phạm Thị Yến		02-10-1997	CVNV	Nam Định	HVTC				
154	52	Hà Hải Yến		20-11-1995	CVNV	Nam Định	HVTC				
V	V	NHNN CHI NHÁNH NINH BÌNH (56 thí sinh)									
155	1	Lê Phương Anh		03-02-1997	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
156	2	Dương Văn Lan Anh		03-10-1991	CVNV	Ninh Bình	HVNH			Ths	
157	3	Nguyễn Thị Lan Anh		07-04-1995	CVNV	Ninh Bình	HVTC				
158	4	Phạm Thị Vân Anh		03-05-1996	CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD				
159	5	Nguyễn Thị Lan Anh		28-11-1993	CVNV	Ninh Bình	ĐH Đại Nam			Ths	
160	6	Vũ Thị Lan Anh		17-08-1990	CVNV	Ninh Bình	ĐH Hồng Đức				
161	7	Lã Thị Ngọc Ánh		15-05-1988	CVNV	Ninh Bình	ĐH Ngoại Thương				
162	8	Hoàng Linh Chi		02-09-1999	CVNV	Ninh Bình	ĐH Ngoại Thương		DT Mường		
163	9	Lê Anh Đức	21-12-2000		CVNV	Ninh Bình	HVNH				
164	10	Phạm Đoàn Hương Giang		09-09-2000	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
165	11	Đường Hoàng Giang	06-03-1993		CVNV	Ninh Bình	HVTC				
166	12	Hoàng Thị Nguyệt Hà		06-05-1999	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
167	13	Nguyễn Thái Hà	16-12-1993		CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD			Ths	
168	14	Bùi Thị Hồng Hà		27-12-1990	CVNV	Ninh Bình	HVNH			Ths	
169	15	Trịnh Thị Hằng		11-09-1998	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
170	16	Nguyễn Thị Hạnh		02-08-1990	CVNV	Ninh Bình	HVTC				
171	17	Hoàng Mai Hiền		25-07-1980	CVNV	Ninh Bình	HVNH	x		Ths	Cử nhân TA
172	18	Bùi Hoàng Hiệp	26-11-1996		CVNV	Ninh Bình	HVNH				

14

STT tổng	TT	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
173	19	Dương Mỹ	Hoa		11-12-1997	CVNV	Ninh Bình	ĐH Thương mại				
174	20	Nguyễn Huy	Hoàng	07-02-2000		CVNV	Ninh Bình	HVNH				
175	21	Nguyễn Thanh	Hồng		02-12-1998	CVNV	Ninh Bình	HVTC				
176	22	Phạm Thị Thúy	Huệ		06-07-1991	CVNV	Ninh Bình	HV Chính sách và PT			Ths	
177	23	Ngô Long Phúc	Hưng	10-02-2000		CVNV	Ninh Bình	ĐH Thương mại				
178	24	Đinh Thị	Hương		22-09-1990	CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD			Ths	
179	25	Ngô Hà	Hương		29-11-1997	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
180	26	Lê Tuấn	Huy	16-05-1999		CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD				
181	27	Đinh Thị	Huyền		30-09-1995	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
182	28	Đỗ Thị Ngọc	Khánh		19-04-1996	CVNV	Ninh Bình	ĐH Công nghệ GTVT				
183	29	Trịnh Thị Hương	Lan		09-12-1995	CVNV	Ninh Bình	ĐH Ngoại Thương				
184	30	Phạm Phương	Lan		24-04-1999	CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD				
185	31	Đinh Thị Mỹ	Linh		17-12-1996	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
186	32	Tô Khánh	Linh		13-10-1994	CVNV	Ninh Bình	ĐH Công nghệ GTVT				
187	33	Phạm Thị Thùy	Linh		18-12-1997	CVNV	Ninh Bình	HVNH	x			Cử nhân TA
188	34	Nguyễn Phú	Minh	25-10-2000		CVNV	Ninh Bình	HVNH				
189	35	Nguyễn Tuấn	Minh	26-08-1999		CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD				
190	36	Lại Thị Anh	Minh		14-05-1987	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
191	37	Vũ Thị	Ngọc		03-11-1992	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
192	38	Phạm Thị	Nguyệt		10-08-1992	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
193	39	Hoàng Trang	Nhung		02-01-1998	CVNV	Ninh Bình	HVTC				
194	40	Trần Hoàng	Oanh		04-01-1987	CVNV	Ninh Bình	HVTC				
195	41	Phạm Thị	Phượng		29-11-1992	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
196	42	Tạ Văn	Quyên	20-11-1995		CVNV	Ninh Bình	HVNH				
197	43	Đào Diễm	Quỳnh		23-06-2000	CVNV	Ninh Bình	HVNH				
198	44	Đinh Thị Phương	Thanh		18-09-1987	CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD			Ths	

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
199	45	Phạm Phương Thảo		26-09-2000	CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD				
200	46	Vũ Quang Thịnh	01-04-1999		CVNV	Ninh Bình	HVTC				
201	47	Hoàng Thị Thơ		07-07-1990	CVNV	Ninh Bình	HVNH			Ths	
202	48	Nguyễn Minh Thọ	23-11-1996		CVNV	Ninh Bình	ĐH Tài chính - QTKD				
203	49	Hoàng Quyết Tiến	21-03-1998		CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD				
204	50	Tổng Mạnh Tiến	30-05-1994		CVNV	Ninh Bình	HVTC			Ths	
205	51	Lê Xuân Tiến	16-07-1998		CVNV	Ninh Bình	HVNH				
206	52	Nguyễn Thị Huyền Trang		11-10-1999	CVNV	Ninh Bình	HVTC				
207	53	Phạm Thị Trang		13-08-1992	CVNV	Ninh Bình	HVTC				
208	54	Trần Anh Tuấn	19-06-1998		CVNV	Ninh Bình	ĐH Tài chính - QTKD				
209	55	Bùi Văn Tuấn	27-07-1995		CVNV	Ninh Bình	ĐH KD và công nghệ HN				
210	56	Phạm Mai Uyên		01-02-2000	CVNV	Ninh Bình	ĐH KTQD				
VI	VI	NHNN CHI NHÁNH QUẢNG NINH (47 thí sinh)									
211	1	Nguyễn Thị Quỳnh Anh		05-02-1999	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Ngoại Thương				
212	2	Nguyễn Thị Trung Anh		17-10-2000	CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
213	3	Phạm Minh Anh		01-12-1997	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Ngoại Thương	x		Ths	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp
214	4	Phạm Thị Quỳnh Anh		26-03-1996	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Tây Anh, Bristol	x			Bằng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
215	5	Nguyễn Thị Linh Chi		18-01-1997	CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
216	6	Hoàng Hải Đăng	29-04-1994		CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
217	7	Phạm Quang Đạt	02-02-1994		CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
218	8	Mạc Thị Đăng Dung		17-02-1996	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Ngoại Thương				
219	9	Lê Ánh Thùy Dương		18-10-1991	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Đại Nam				
220	10	Lưu Thủy Dương		08-09-1997	CVNV	Quảng Ninh	HVNH				
221	11	Nguyễn Thị Ngân Giang		05-10-1994	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Ngoại Thương	x		Ths	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp
222	12	Đỗ Thị Hà		05-05-1991	CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
223	13	Phạm Ngọc Hằng		26-10-1998	CVNV	Quảng Ninh	HVTC				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
224	14	Phạm Thị Hậu		05-09-1990	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Hải Phòng			Ths	
225	15	Phạm Công Hiệu	16-11-1991		CVNV	Quảng Ninh	ĐH KT Kỹ thuật CN			Ths	
226	16	Phạm Thanh Hoa		14-10-1986	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Thương mại	x		Ths	Cử nhân TA
227	17	Dương Thu Hoài		15-11-1993	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Ngoại Thương	x		Ths	Bảng Ths do CSĐT nước ngoài cấp
228	18	Đỗ Quốc Hội	24-07-1986		CVNV	Quảng Ninh	HVNH				
229	19	Bùi Minh Hồng		27-08-1997	CVNV	Quảng Ninh	ĐH KTQD				
230	20	Đỗ Thị Thu Huệ		18-11-1998	CVNV	Quảng Ninh	HVNH				
231	21	Nguyễn Nhật Hưng	16-02-1999		CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
232	22	Ngô Thị Thanh Hương		13-03-1986	CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
233	23	Nguyễn Thị Hà Hương		29-12-1987	CVNV	Quảng Ninh	HVNH			Ths	
234	24	Nguyễn Khánh Huyền		30-09-1998	CVNV	Quảng Ninh	HVNH				
235	25	Nguyễn Thị Minh Huyền		01-04-1990	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Thương mại			Ths	
236	26	Vũ Thị Thanh Huyền		27-01-1993	CVNV	Quảng Ninh	HVNH			Ths	
237	27	Nguyễn Thị Hương Lan		04-12-1983	CVNV	Quảng Ninh	ĐH KD và công nghệ HN			Ths	
238	28	Bùi Thị Thùy Linh		27-10-1989	CVNV	Quảng Ninh	ĐH KTQD				
239	29	Đinh Thị Mỹ Linh		20-01-1996	CVNV	Quảng Ninh	ĐH DL Hải Phòng				
240	30	Nguyễn Thị Huyền Mây		24-04-1993	CVNV	Quảng Ninh	ĐH KTQD		DT Sản Dìu		
241	31	Trần Tuấn Minh	26-05-1995		CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
242	32	Hoàng Thị Kim Ngân		08-02-2000	CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
243	33	Tăng Hà Ngân		06-11-1996	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Ngoại Thương				
244	34	Vũ Thúy Ngọc		12-12-1997	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Công đoàn				
245	35	Nguyễn Hoàng Như		25-07-1995	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Ngoại Thương				
246	36	Đinh Thị Như Quỳnh		07-12-1991	CVNV	Quảng Ninh	HVTC				
247	37	Phạm Thái Sơn	05-04-1997		CVNV	Quảng Ninh	ĐH KTQD				
248	38	Mai Thị Thanh Tâm		04-12-1996	CVNV	Quảng Ninh	ĐHKT-ĐHQG Hà Nội				
249	39	Nguyễn Xuân Thắng	29-08-1986		CVNV	Quảng Ninh	HVNH				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
250	40	Đặng Thị Thảo		05-10-1990	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Công nghiệp HN				
251	41	Đỗ Thanh Thảo		17-07-1999	CVNV	Quảng Ninh	HVNH				
252	42	Trần Thanh Thảo		24-05-2000	CVNV	Quảng Ninh	HVNH				
253	43	Phạm Thị Thu Thủy		24-08-1991	CVNV	Quảng Ninh	ĐH TCNH Hà Nội				
254	44	Trần Thị Như Trang		12-08-1992	CVNV	Quảng Ninh	ĐH Thăng Long				
255	45	Vũ Thị Thu Trang		11-09-1994	CVNV	Quảng Ninh	ĐH KTQD			Ths	
256	46	Nguyễn Đức Trung	15-04-1996		CVNV	Quảng Ninh	ĐH Thủy lợi				
257	47	Đỗ Đức Tú	18-10-1989		CVNV	Quảng Ninh	HVTC		Con TB	Ths	
VII	VII	NHNN CHI NHÁNH THÁI BÌNH (16 thí sinh)									
258	1	Đỗ Ngọc Anh		28-6-1999	CVNV	Thái Bình	ĐH KTQD				
259	2	Đỗ Quỳnh Anh		19-3-1998	CVNV	Thái Bình	ĐH KTQD				
260	3	Tạ Thị Ngọc Ánh		13-4-2000	CVNV	Thái Bình	ĐH Thương mại				
261	4	Nguyễn Ngọc Diệp		03-5-1998	CVNV	Thái Bình	HVNH				
262	5	Nguyễn Thu Hà		28-10-2000	CVNV	Thái Bình	ĐH Thương mại				
263	6	Vũ Thị Thu Hà		22-12-1994	CVNV	Thái Bình	HVNH				
264	7	Vũ Phương Hạnh		15-10-1991	CVNV	Thái Bình	HVNH		Con TB		
265	8	Trịnh Thu Hòa		05-01-2000	CVNV	Thái Bình	HVNH				
266	9	Nguyễn Trần Hùng	31-5-1996		CVNV	Thái Bình	HV Chính sách và PT				
267	10	Đồng Thị Thu Liên		07-10-1998	CVNV	Thái Bình	HVNH				
268	11	Đặng Thị Ngoan		28-02-1995	CVNV	Thái Bình	HVNH				
269	12	Bùi Thu Phương		09-06-1999	CVNV	Thái Bình	ĐH kinh tế-ĐHQGHN				
270	13	Vũ Thị Sáu		05-12-1989	CVNV	Thái Bình	HVNH				
271	14	Bùi Thị Minh Thu		05-02-1997	CVNV	Thái Bình	HVNH				
272	15	Phạm Thị Kim Thư		25-10-1999	CVNV	Thái Bình	HVNH				
273	16	Dương Thị Thu Trang		12-9-1988	CVNV	Thái Bình	ĐH Ngoại Thương				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
VIII	VIII	NHNN CHI NHÁNH THANH HÓA (130 thí sinh)									
274	1	Đỗ Thị Vân Anh		23-12-2000	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
275	2	Lê Thị Tú Anh		18-01-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
276	3	Nguyễn Tuấn Anh	26-01-1996		CVNV	Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức				
277	4	Lê Trịnh Quế Anh		05-05-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương				
278	5	Lê Thị Ngọc Anh		27-9-1993	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
279	6	Đỗ Thị Vân Anh		23-8-1994	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức				
280	7	Lê Ngọc Ánh		11-11-1994	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
281	8	Nguyễn Thị Ngọc Bích		10-6-1988	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức		Con bệnh binh		
282	9	Lê Mạnh Cường	05-02-1997		CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
283	10	Lê Minh Châu		22-11-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
284	11	Vũ Thị Linh Chi		23-07-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Sunderland (lk ĐHKTD)	x			Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
285	12	Nguyễn Mai Chi		15-03-1998	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức		DT Mường		
286	13	Lê Thùy Chi		01-05-1992	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD			Ths	
287	14	Nguyễn Thị Kim Dung		07-03-1985	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Thương mại				
288	15	Trịnh Thị Dung		19-5-1993	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương				
289	16	Bùi Thùy Dung		08-01-1995	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Đại Nam				
290	17	Phạm Ngọc Dũng	09-08-1990		CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
291	18	Nguyễn Thị Duyên		17-5-1995	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
292	19	Dương Khắc Đông	15-10-1994		CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
293	20	Lê Hoàng Giang	01-8-1992		CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD			Ths	
294	21	Lê Thị Trà Giang		14-03-1996	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức			Ths	
295	22	Nguyễn Thị Ila		06-05-1992	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương				
296	23	Lương Thị Hà		30-4-1989	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
297	24	Lê Thu Hà		13-3-1997	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
298	25	Nguyễn Thị Hà		04-5-1988	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Hà Nội	x			Cử nhân TA

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
299	26	Nguyễn Thị Nga	Hải		10-02-1998	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Thương mại			
300	27	Nguyễn Hoàng	Hải	02-09-1993		CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD			
301	28	Đỗ Thị	Hạnh		16-08-1987	CVNV	Thanh Hóa	HVTC		Ths	
302	29	Lê Thanh	Hằng		31-07-1993	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KT Kỹ thuật CN		Ths	
303	30	Đặng Thu	Hằng		10-11-1989	CVNV	Thanh Hóa	HVTC		Ths	
304	31	Nguyễn Thị Thu	Hằng		13-5-1994	CVNV	Thanh Hóa	HVNH			
305	32	Nguyễn Thị	Hằng		19-01-1999	CVNV	Thanh Hóa	HVNH			
306	33	Lê Thị Như	Hậu		03-02-1990	CVNV	Thanh Hóa	HVNH			
307	34	Đào Thị	Hiền		28-12-1995	CVNV	Thanh Hóa	HVTC			
308	35	Nguyễn Thị	Hiền		03-3-1995	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD	Con đẻ người HD kháng chiến nhiệm CĐHH		
309	36	Lê Thu	Hiền		18-03-1990	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KD và công nghệ HN		Ths	
310	37	Bùi Thị	Hiếu		20-11-1988	CVNV	Thanh Hóa	HVNH		Ths	
311	38	Nguyễn Thị	Hoa		29-08-1996	CVNV	Thanh Hóa	HVNH			
312	39	Nguyễn Thị Khánh	Hòa		19-12-1992	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương			
313	40	Đỗ Văn	Hoàn	09-01-1995		CVNV	Thanh Hóa	HVTC			
314	41	Phạm Thanh	Hoàng	08-11-1999		CVNV	Thanh Hóa	HVTC			
315	42	Lê Thị	Hồng		15-11-1988	CVNV	Thanh Hóa	HVNH			
316	43	Lê Quang	Huy	28-12-1997		CVNV	Thanh Hóa	HVNH			
317	44	Hoàng Ngọc	Huyền		04-02-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD			
318	45	Lê Thị Khánh	Huyền		31-10-2000	CVNV	Thanh Hóa	HVTC			
319	46	Trương Thị	Huyền		07-9-1985	CVNV	Thanh Hóa	HVTC	Con bệnh binh	Ths	
320	47	Phạm Thị	Huyền		08-01-1990	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Thương mại			
321	48	Bùi Phương	Huyền		20-8-2000	CVNV	Thanh Hóa	HVNH			
322	49	Nguyễn Thị Mai	Hương		09-04-1989	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KT & QTKD -ĐH Thái Nguyên	Con TB		
323	50	Chu Thùy	Linh		17-08-1994	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD			

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
324	51	Lê Bá Đức Linh		13-5-1996	CVNV	Thanh Hóa	HVTC			Ths	
325	52	Nguyễn Thị Linh		08-12-1992	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD			Ths	
326	53	Cao Khánh Linh		01-8-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Quốc gia HN				
327	54	Nguyễn Khánh Linh		23-10-1998	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
328	55	Trần Thị Linh		13-12-1995	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
329	56	Phan Mỹ Linh		07-12-1996	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
330	57	Lại Hoàng Trúc Linh		25-03-1995	CVNV	Thanh Hóa	HVTC	x		Ths	Bảng Ths do CSĐT nước ngoài cấp
331	58	Lê Nguyễn Khánh Linh		24-11-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
332	59	Trần Thu Linh		12-10-1994	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
333	60	Nguyễn Tuấn Long	11-3-1990		CVNV	Thanh Hóa	ĐH DL Phương Đông			Ths	
334	61	Lê Văn Luân	23-05-1986		CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD		Con TB		
335	62	Đào Thanh Mai		06-12-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH TP Seattle	x			Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
336	63	Trịnh Thị Ánh Mai		18-02-2000	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
337	64	Lê Thị Mai		10-04-1993	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Công đoàn				
338	65	Trịnh Hoàng Mai		21-03-2001	CVNV	Thanh Hóa	Viện CN Hoàng Gia Melbourne	x			Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
339	66	Hồ Khắc Minh	19-6-1996		CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
340	67	Trịnh Thị Minh		17-04-1998	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
341	68	Phạm Thị Nga		28-11-1991	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Vinh				
342	69	Nguyễn Thị Nga		03-11-1989	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
343	70	Mai Danh Ngọc		16-02-1992	CVNV	Thanh Hóa	HV Nông nghiệp VN			Ths	
344	71	Lương Thị Hồng Ngọc		28-9-1994	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Công đoàn				
345	72	Trần Văn Ngọc	24-10-1997		CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
346	73	Lê Diệu Ngọc		28-02-1996	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
347	74	Lại Thanh Nhân		12-06-2000	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
348	75	Lê Thị Nhung		13-10-1997	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
349	76	Dương Thị Hồng Nhung		04-6-1995	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD			Ths	

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
350	77	Trịnh Anh Pháp	12-02-1989		CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD		Con bệnh binh	Ths	
351	78	Nguyễn Hoàng Hà Phương		18-12-1991	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Đại Nam				
352	79	Nguyễn Hà Phương		27-11-1994	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương				
353	80	Trần Minh Phương		06/09/1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
354	81	Đỗ Thị Phương		23-7-1995	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
355	82	Trần Thị Phương		01-12-1996	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KD và công nghệ HN				
356	83	Trịnh Thị Quỳnh		28-01-1999	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
357	84	Lê Như Quỳnh		17-02-1996	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương				
358	85	Lê Thị Thúy Quỳnh		15-8-1994	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
359	86	Nguyễn Thị Quỳnh		22-05-1998	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương				
360	87	Mai Thị Sen		22-9-1988	CVNV	Thanh Hóa	ĐH kinh tế-ĐHQGHN				
361	88	Lê Thị Hồng Sơn		29-7-1980	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Thương mại			Ths	
362	89	Phạm Hữu Sơn	26-10-1991		CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
363	90	Trịnh Thị Tâm		23-08-1993	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
364	91	Lê Thị Thanh Tâm		08-03-1992	CVNV	Thanh Hóa	HVTC			Ths	
365	92	Vũ Xuân Tâm		30-4-1991	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Sunderland (lk HVNH)	x			Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
366	93	Nguyễn Thị Tâm		23-07-1987	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
367	94	Nguyễn Hữu Tiến	02-09-1991		CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
368	95	Lê Thị Tuyết		02-09-1995	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
369	96	Vũ Xuân Thái	29-9-1993		CVNV	Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương	x		Ths	Bảng Ths do CSĐT nước ngoài cấp
370	97	Lê Thị Thanh		19-01-2000	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Công nghiệp HN				
371	98	Đỗ Duy Thanh	10-6-1987		CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
372	99	Lê Đình Thành	05-12-1992		CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
373	100	Thiều Phương Thảo		02-08-1992	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
374	101	Mai Phương Thảo		21-03-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
375	102	Trương Thị Phương Thảo		25-04-1993	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
376	103	Vũ Cao Thiên	17-05-1998		CVNV	Thanh Hóa	ĐH Thủy Lợi				
377	104	Nguyễn Thị Hoài Thu		21-12-1996	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
378	105	Nguyễn Thị Thu		19-08-1995	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
379	106	Nguyễn Thị Thủy		14-06-1990	CVNV	Thanh Hóa	HVTC	x	Con bệnh bình		Cử nhân TA
380	107	Lê Thị Thu Thủy		21-01-2000	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
381	108	Lê Thu Thủy		02-06-1994	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
382	109	Nguyễn Thị Thúy		03-02-1991	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức		Con TB		
383	110	Đỗ Thị Minh Thư		17-05-1997	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
384	111	Trần Thị Minh Thư		04-4-1998	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Tài nguyên và MT				
385	112	Bùi Thị Mai Thương		06-12-1995	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
386	113	Hoàng Thu Trang		14-07-1991	CVNV	Thanh Hóa	ĐH DL Phương Đông			Ths	
387	114	Nguyễn Thu Trang		29-08-1993	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
388	115	Lê Thị Kiều Trang		23-07-1997	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
389	116	Lê Thu Trang		15-6-2000	CVNV	Thanh Hóa	HVNH				
390	117	Vũ Huyền Trang		15-10-1996	CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
391	118	Phạm Thị Thu Trang		08-08-1989	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Thành Tây			Ths	
392	119	Phùng Thị Hà Trang		03-11-1999	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
393	120	Trịnh Quỳnh Trang		11-02-1994	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Ngoại Thương				
394	121	Nguyễn Huyền Trang		20-9-1993	CVNV	Thanh Hóa	HVTC			Ths	
395	122	Lê Thị Thu Trang		08-02-1994	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD			Ths	
396	123	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		10-12-1991	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KD và công nghệ HN				
397	124	Hoàng Thị Vân Trang		22-11-1991	CVNV	Thanh Hóa	HVNH			Ths	
398	125	Nguyễn Sơn Trường	19-8-1993		CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
399	126	Lê Thị Thanh Vân		23-08-1998	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
400	127	Nguyễn Thị Vân		20-02-1992	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
401	128	Nguyễn Thị Xuyên		10-05-1991	CVNV	Thanh Hóa	ĐH Hồng Đức				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
402	129	Lê Bình Yên	07-10-1997		CVNV	Thanh Hóa	HVTC				
403	130	Nguyễn Thị Yên		15-9-1988	CVNV	Thanh Hóa	ĐH KTQD				
IX	IX	NHNN CHI NHÁNH VĨNH PHÚC (58 thí sinh)									
404	1	Nguyễn Duy Anh	06-11-1994		CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH	x			Cử nhân TA
405	2	Nguyễn Thị Phương Anh		05-12-1998	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KTQD				
406	3	Hoàng Ngọc Anh		17-07-2000	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Hùng Vương				
407	4	Nguyễn Bùi Hà Anh		17-10-1996	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Công nghệ GTVT				
408	5	Lê Thị Hà Anh		06-08-2000	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
409	6	Ngô Thị Phương Anh		03-02-1996	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
410	7	Hà Ngọc Ánh		22-02-1996	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KTQD				
411	8	Nguyễn Khắc Định	10-10-1994		CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KTQD				
412	9	Lê Đình Dương	21-07-1995		CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
413	10	Trần Thị Hương Giang		06-12-1994	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Thăng Long				
414	11	Trần Lô Giang		21-09-1986	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KD và công nghệ HN			Ths	
415	12	Trần Thị Thu Hằng		26-02-1988	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH DL Hải Phòng				
416	13	Nguyễn Thị Hằng		04-12-1992	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH				
417	14	Nguyễn Thị Thu Hiền		10-04-1984	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC			Ths	
418	15	Nguyễn Thị Hoa		27-01-1990	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KTQD				
419	16	Nguyễn Thị Hoa		06-07-1997	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
420	17	Lê Thị Thanh Huệ		20-07-1998	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH				
421	18	Nguyễn Thị Thảo Hương		23-01-1991	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Ngoại Thương				
422	19	Tạ Thanh Hương		10-03-1996	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
423	20	Đinh Thị Hương		12-11-1991	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐHDL Đông Đô				
424	21	Dương Lan Hương		27-12-1994	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
425	22	Trần Thị Thu Hường		18-09-1995	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Lao động XH				
426	23	Đường Thu Hường		04-05-1993	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
427	24	Bùi Thị Thanh Huyền		29-03-1994	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KTQD				
428	25	Nguyễn Thanh Lâm	07-02-1999		CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Ngoại Thương				
429	26	Lê Tùng Lâm	28-06-1996		CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
430	27	Phạm Thị Lan		26-02-1989	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH			Ths	
431	28	Nguyễn Thị Hồng Lanh		02-09-1994	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH	x			Cử nhân TA
432	29	Nguyễn Hải Linh		03-06-1995	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC			Ths	
433	30	Nguyễn Thị Thanh Linh		18-04-1999	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
434	31	Nguyễn Khánh Linh		08-06-2000	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Thương mại				
435	32	Vũ Thị Lý		03-06-1990	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Kinh tế TP HCM				
436	33	Phùng Thị Nga		08-04-1991	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH				
437	34	Trương Thanh Nga		01-01-1999	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
438	35	Nguyễn Bích Ngọc		25-12-1998	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH				
439	36	Dương Thị Bích Ngọc		06-09-1999	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Quốc gia HN				
440	37	Tạ Thị Hồng Ngọc		05-12-1994	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
441	38	Nguyễn Thị Như Nguyệt		26-05-2000	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
442	39	Đỗ Thị Hồng Nhật		20-06-1997	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KTQD				
443	40	Đường Thị Hồng Nhung		17-07-1993	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC			Ths	
444	41	Bùi Thị Bích Phương		04-02-1993	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH				
445	42	Nguyễn Thị Bích Phương		10-12-1990	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Northumbria	x			Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
446	43	Lê Phương Thảo		02-05-1989	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KTQD		Con TB	Ths	
447	44	Lê Thị Thu Thảo		20-08-1997	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
448	45	Vũ Tuấn Thiên	07-12-1997		CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
449	46	Nguyễn Thị Thu		12-10-1991	CVNV	Vĩnh Phúc	HV Nông nghiệp VN				
450	47	Nguyễn Ngọc Toán	20-06-1998		CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH QT Thái Bình Dương	x			Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
451	48	Nguyễn Thị Kiều Trang		23-02-1999	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
452	49	Nguyễn Thị Kiều Trang		22-07-1993	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Điện lực				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
453	50	Nguyễn Hà Trang		13-09-2000	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH				
454	51	Ngô Huyền Trang		19-11-1986	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH kinh tế - ĐHQGHN				
455	52	Nguyễn Thu Trang		14-08-1997	CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Ngoại Thương				
456	53	Nguyễn Thị Vân Trang		07-10-1991	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH				
457	54	Nguyễn Ngọc Trung	09-02-1993		CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH Ngoại Thương				
458	55	Trần Chí Trung	20-01-1999		CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KTQD				
459	56	Hoàng Lê Tùng	24-06-1991		CVNV	Vĩnh Phúc	ĐH KD và công nghệ HN				
460	57	Nguyễn Thị Vân		20-07-1993	CVNV	Vĩnh Phúc	HVTC				
461	58	Nguyễn Thị Thúy Vân		24-02-1993	CVNV	Vĩnh Phúc	HVNH				
B	B	KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC									
I	I	NHNN CHI NHÁNH BẮC KẠN (8 thí sinh)									
462	1	Trần Ngọc Ánh		07-02-1991	CVNV	Bắc Kạn	ĐH Ngoại Thương				
463	2	Triệu Thị Dâu		07-07-1993	CVNV	Bắc Kạn	ĐH KT & QTKD -ĐH Thái Nguyên		DT Dao		
464	3	Trương Phúc Duy	29-9-1994		CVNV	Bắc Kạn	ĐH KT & QTKD -ĐH Thái Nguyên		DT Tây		
465	4	Đặng Thị Lệ		09-4-1993	CVNV	Bắc Kạn	ĐH KT & QTKD -ĐH Thái Nguyên		DT Tây		
466	5	Ma Thị Linh		19-5-1994	CVNV	Bắc Kạn	ĐH GTVT		DT Tây		
467	6	Nông Thị Kiều Mỹ		18-10-1997	CVNV	Bắc Kạn	ĐH Thái Nguyên		DT Tây		
468	7	Lý Hoàng Oánh		29-8-1989	CVNV	Bắc Kạn	ĐH Thái Nguyên		DT Tây		
469	8	Nguyễn Thị Thương Thương		19-10-1985	CVNV	Bắc Kạn	ĐH Công đoàn				
II	II	NHNN CHI NHÁNH CAO BẰNG (33 thí sinh)									
470	1	Lê Thị Mai Anh		20-11-1989	CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Nùng		
471	2	Bé Thị Phương Anh		09-12-1995	CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Tây		
472	3	Nguyễn Thùy Chang		04-10-1999	CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Tây		
473	4	Hoàng Thu Diệu		25-01-1990	CVNV	Cao Bằng	HVNH		DT Tây		
474	5	Nông Tiến Đạt	11-8-1990		CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Nùng		
475	6	Sầm Việt Hải	01-02-1991		CVNV	Cao Bằng	ĐH KTQD		DT Tây	Ths	

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
476	7	Nông Thị Thu Hằng		16-01-1994	CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Tây		
477	8	Nguyễn Mai Hiền		27-09-1992	CVNV	Cao Bằng	ĐH KT & QTKD -ĐH Thái Nguyên		DT Nùng		
478	9	Nguyễn Như Hoài		13-10-1995	CVNV	Cao Bằng	ĐH KTQD	x		Ths	Bằng Ths do CSĐT nước ngoài cấp
479	10	Đàm Anh Hoàng	13-11-1994		CVNV	Cao Bằng	ĐH KTQD		DT Tây	Ths	
480	11	Nguyễn Nông Lan Hương		09-6-1999	CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Tây		
481	12	Mông Linh Hương		07-3-1999	CVNV	Cao Bằng	ĐH KTQD		DT Tây		
482	13	Phùng Mai Hương		16-12-1993	CVNV	Cao Bằng	ĐH Công nghiệp HN		DT Nùng		
483	14	Nguyễn Thị Thu Hương		30-4-1989	CVNV	Cao Bằng	HVNH		DT Tây		
484	15	Vũ Thanh Huyền		04-12-1997	CVNV	Cao Bằng	ĐH Tài chính - QTKD				
485	16	Trần Thị Thu Huyền		05-04-1994	CVNV	Cao Bằng	ĐH Công đoàn				
486	17	Nguyễn Thùy Linh		29-8-1992	CVNV	Cao Bằng	ĐH KTQD		DT Tây	Ths	
487	18	Tô Mai Loan		28-12-1994	CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Tây		
488	19	Hoàng Huy Mạnh	12-11-1999		CVNV	Cao Bằng	ĐH Tài chính - QTKD		DT Tây		
489	20	Hoàng Phương Nam	28-02-1995		CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Tây		
490	21	Hoàng Hồng Nhung		05-04-1999	CVNV	Cao Bằng	ĐH Ngoại Thương		DT Tây		
491	22	Ngô Hồng Nhung		01-10-1996	CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Tây		
492	23	Lương Thị Hồng Nhung		29-3-1999	CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Nùng		
493	24	Ngô Văn Quyển	02-01-1993		CVNV	Cao Bằng	ĐH Tài nguyên và MT			Ths	
494	25	Trương Quốc Tân	14-12-1992		CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Tây		
495	26	Dương Hương Thảo		30-10-1998	CVNV	Cao Bằng	HVTC		DT Tây		
496	27	Liêu Minh Thế	07-06-2000		CVNV	Cao Bằng	HVNH		DT Nùng		
497	28	Hoàng Huy Thông	13-02-1997		CVNV	Cao Bằng	ĐH Tài chính - QTKD		DT Tây		
498	29	Lại Hồng Thu		06-8-1996	CVNV	Cao Bằng	HVNH		DT Nùng		
499	30	Phạm Phương Trà		15-10-1999	CVNV	Cao Bằng	HVNH		DT Tây		
500	31	Trần Cao Văn	30-7-1990		CVNV	Cao Bằng	ĐH KTQD		DT Tây		
501	32	Đàm Thị Hồng Vân		24-4-1995	CVNV	Cao Bằng	ĐH KTQD		DT Tây		

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
502	33	Triệu Thúy Vân		08-08-1993	CVNV	Cao Bằng	ĐH KT & QTKD -ĐH Thái Nguyên		DT Tày		
III	III	NHNN CHI NHÁNH ĐIỆN BIÊN (34 thí sinh)									
503	1	Lò Thị An		10-3-1993	CVNV	Điện Biên	ĐH Mỏ HN		DT Thái		
504	2	Bùi Thị Lan Anh		29-4-1996	CVNV	Điện Biên	ĐH KT Kỹ thuật CN				
505	3	Lê Thị Ngọc Ánh		30-12-1999	CVNV	Điện Biên	HVNH				
506	4	Nguyễn Thị Tuệ Chinh		22-7-1995	CVNV	Điện Biên	ĐH Công đoàn				
507	5	Nguyễn Thị Dung		02-9-2000	CVNV	Điện Biên	ĐH Tây Bắc				
508	6	Trần Cảnh Dương	06-7-1994		CVNV	Điện Biên	ĐH KTQD			Ths	
509	7	Vũ Thị Hà		27-05-1995	CVNV	Điện Biên	HV Công nghệ BCVT				
510	8	Nguyễn Thị Thu Hà		25-12-1997	CVNV	Điện Biên	ĐH Lao động XH				
511	9	Trần Thị Thu Hằng		05-06-1992	CVNV	Điện Biên	ĐH Hùng Vương				
512	10	Mai Thị Hằng		17-09-1991	CVNV	Điện Biên	ĐH KTQD				
513	11	Đinh Thị Hạnh		28-10-1997	CVNV	Điện Biên	ĐH Lao động XH				
514	12	Nguyễn Thị Huệ		12-11-1990	CVNV	Điện Biên	ĐH Tây Bắc				
515	13	Vũ Mạnh Hùng	15-9-1997		CVNV	Điện Biên	HVNH			Ths	
516	14	Lường Thị Liêm		06-04-2000	CVNV	Điện Biên	ĐH Công đoàn		DT Thái		
517	15	Trần Ngọc Linh	30-01-1999		CVNV	Điện Biên	HV Chính sách và PT				
518	16	Hoàng Thị Thùy Linh		22-11-1999	CVNV	Điện Biên	ĐH Công đoàn				
519	17	Nguyễn Ngọc Minh		09-12-2000	CVNV	Điện Biên	HVNH				
520	18	Phùng Thị Lương Năng		13-5-1985	CVNV	Điện Biên	HVNH			Ths	
521	19	Hoàng Thị Thùy Ngân		19-12-1998	CVNV	Điện Biên	HVNH				
522	20	Hoàng Nguyễn Ngọc Ngân		18-12-2000	CVNV	Điện Biên	ĐH Công đoàn		DT Mường		
523	21	Lê Vũ Bảo Ngọc		17-12-1999	CVNV	Điện Biên	HVTC				
524	22	Trần Thu Phương		31-8-1999	CVNV	Điện Biên	ĐH Ngoại Thương				
525	23	Trần Văn Thắng	03-7-1988		CVNV	Điện Biên	ĐH Thái Nguyên				
526	24	Lê Phương Thanh		11-11-1999	CVNV	Điện Biên	HV Chính sách và PT				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
527	25	Trần Thị Phương Thảo		20-12-1999	CVNV	Điện Biên	ĐH KTQD				
528	26	Trần Thị Phương Thảo		04-01-1998	CVNV	Điện Biên	ĐH Mở HN				
529	27	Phạm Phương Thúy		08-12-1992	CVNV	Điện Biên	HVTC				
530	28	Đặng Thùy Trang		19-5-1999	CVNV	Điện Biên	HVNH				
531	29	Trần Thị Thanh Trang		03-12-2000	CVNV	Điện Biên	ĐH Ngoại Thương				
532	30	Nguyễn Thu Trang		06-10-1999	CVNV	Điện Biên	HVNH				
533	31	Nguyễn Huyền Trang		21-10-2000	CVNV	Điện Biên	HVNH				
534	32	Nguyễn Thị Tươi		24-4-1987	CVNV	Điện Biên	ĐH Tây Bắc				
535	33	Vũ Thị Yên		25-08-1993	CVNV	Điện Biên	ĐH KTQD				
536	34	Trịnh Thị Yển		17-11-1994	CVNV	Điện Biên	HV Nông nghiệp VN				
IV	IV	NHNN CHI NHÁNH HÀ GIANG (15 thí sinh)									
537	1	Nguyễn Thị Thiên Anh		21-07-1996	CVNV	Hà Giang	ĐH KTQD		DT Tây		
538	2	Trần Ngọc Bích		17-07-1999	CVNV	Hà Giang	ĐH Lao động XH				
539	3	Phạm Mỹ Duyên		09-05-1999	CVNV	Hà Giang	ĐH KTQD		DT Tây		
540	4	Phùng Huy Đạt	01-02-1999		CVNV	Hà Giang	HVTC				
541	5	Đặng Ngọc Hà		29-11-1998	CVNV	Hà Giang	ĐH Thương mại		DT Tây		
542	6	Phí Thị Hoàng Hạnh		20-06-2000	CVNV	Hà Giang	ĐH KD và công nghệ HN				
543	7	Nguyễn Thu Hoài		02-11-1999	CVNV	Hà Giang	ĐH TCNH Hà Nội				
544	8	Sin Thu Huyền		20-02-1999	CVNV	Hà Giang	ĐH TCNH Hà Nội		DT Nùng		
545	9	Ngô Huệ Hương		24-09-1992	CVNV	Hà Giang	HV Nông nghiệp VN				
546	10	Đàm Mai Linh		06-09-1999	CVNV	Hà Giang	ĐH KTQD		DT Tây		
547	11	Nguyễn Hà My		09-12-1994	CVNV	Hà Giang	ĐH Mở HN				
548	12	Nguyễn Thị Kim Oanh		05-10-1997	CVNV	Hà Giang	HVTC		DT Tây		
549	13	Nguyễn Hồng Thái	19-04-1996		CVNV	Hà Giang	HVNH			Ths	
550	14	Nguyễn Thùy Trang		07-04-1995	CVNV	Hà Giang	HV Nông nghiệp VN		DT Tây		
551	15	Nguyễn Quỳnh Trang		18-08-1993	CVNV	Hà Giang	ĐH Sunderland (lk HVNH)	x			Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
V	V	NHNN CHI NHÁNH HÒA BÌNH (8 thí sinh)									
552	1	Đỗ Thị Phương Anh		01-01-1996	CVNV	Hòa Bình	ĐH KTQD				
553	2	Phạm Bảo Chung	05-7-1997		CVNV	Hòa Bình	HVTC				
554	3	Nguyễn Linh Giang		30-5-1998	CVNV	Hòa Bình	HVNH				
555	4	Bùi Thu Hằng		17-02-1997	CVNV	Hòa Bình	ĐH KTQD		DT Mường		
556	5	Bùi Thị Thu Hòa		21-6-1996	CVNV	Hòa Bình	HVTC		DT Mường		
557	6	Vũ Hồng Nhung		21-7-1995	CVNV	Hòa Bình	HVTC				
558	7	Hoàng Thu Quỳnh		30-01-1992	CVNV	Hòa Bình	ĐH Đại Nam			Ths	
559	8	Nguyễn Thị Ngọc Trang		22-07-1996	CVNV	Hòa Bình	ĐH DL Phương Đông		DT Mường		
VI	VI	NHNN CHI NHÁNH LAI CHÂU (10 thí sinh)									
560	1	Lê Thị Vân Anh		16-05-1993	CVNV	Lai Châu	HVNH	x		Ths	Bảng Ths do CSĐT nước ngoài cấp
561	2	Trần Ngọc Ánh		19-04-1999	CVNV	Lai Châu	HVNH				
562	3	Bùi Thị Huệ Chi		06-12-1998	CVNV	Lai Châu	HVTC				
563	4	Đồng Thị Kim Chi		01-11-1991	CVNV	Lai Châu	HVNH		DT Thái	Ths	
564	5	Vũ Mạnh Cường	04-11-1999		CVNV	Lai Châu	ĐH TCNH Hà Nội				
565	6	Vũ Năng Dũng	19-12-1998		CVNV	Lai Châu	HVTC				
566	7	Nguyễn Thị Mai Hương		23-10-1995	CVNV	Lai Châu	ĐH Tài chính - QTKD				
567	8	Lê Hoàng Long	23-12-1993		CVNV	Lai Châu	HVNH				
568	9	Nguyễn Vũ Thu Thảo		18-05-2000	CVNV	Lai Châu	ĐH Troy	x			Bảng ĐH do CSĐT nước ngoài cấp
569	10	Phạm Xuân Tiến	20-10-1993		CVNV	Lai Châu	ĐH Công nghiệp HN				
VII	VII	NHNN CHI NHÁNH LẠNG SƠN (31 thí sinh)									
570	1	Bùi Ngọc Cường	11-07-1995		CVNV	Lạng Sơn	ĐH Ngoại Thương				
571	2	Nguyễn Trọng Đại	06-02-1988		CVNV	Lạng Sơn	ĐH công nghệ Đông Á				
572	3	Cam Thị Giang		03-09-1994	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Thương mại		DT Tây		
573	4	Nông Thị Hồng Hạnh		06-04-1999	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Ngoại Thương		DT Tây		
574	5	Nông Thu Hậu		27-07-1999	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Thương mại		DT Tây		
575	6	Chu Thị Kim Hòa		23-01-1999	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Ngoại Thương		DT Nùng		

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
576	7	Đinh Trọng Huân	31-08-1999		CVNV	Lạng Sơn	ĐH Ngoại Thương		DT Tây		
577	8	Hoàng Thị Mai Hương		21-05-1996	CVNV	Lạng Sơn	HVTC		DT Tây		
578	9	Vương Hoàng Mai Hương		30-07-1998	CVNV	Lạng Sơn	HVNH		DT Tây		
579	10	Nguyễn Khánh Linh		02-02-1998	CVNV	Lạng Sơn	HVNH				
580	11	Trần Thị Nhật Linh		07-01-2000	CVNV	Lạng Sơn	ĐH kinh tế- ĐHQGHN				
581	12	Bế Thị Luyến		11-02-1995	CVNV	Lạng Sơn	HVTC		DT Tây		
582	13	Lê Thị Mai		28-03-1992	CVNV	Lạng Sơn	HVNH				
583	14	Vì Kim Thảo My		25-06-1998	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Ngoại Thương		DT Tây		
584	15	Vy Phương Nguyên		23-10-1990	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Công nghiệp Việt-Hung		DT Tây		
585	16	Dương Huyền Nhi		18-12-1993	CVNV	Lạng Sơn	HVTC		DT Tây		
586	17	Lê Thị Mai Như		25-09-1996	CVNV	Lạng Sơn	HVTC			Ths	
587	18	Vũ Hồng Nhung		17-11-1996	CVNV	Lạng Sơn	ĐH KTQD	x			Cử nhân TA
588	19	Nguyễn Hoàng Phương		17-10-1997	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Lao động XH			Ths	
589	20	Nguyễn Thị Hương Quỳnh		16-10-1998	CVNV	Lạng Sơn	ĐH KTQD				
590	21	Phạm Minh Thành	25/10/1988		CVNV	Lạng Sơn	ĐH kinh tế- ĐHQGHN		DT Tây	Ths	
591	22	Ngô Minh Thúy		11-09-1996	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Ngoại Thương		DT Nùng		
592	23	Vy Thu Thùy		14-12-1996	CVNV	Lạng Sơn	HVTC		DT Tây		
593	24	Đỗ Văn Toàn	09-01-1995		CVNV	Lạng Sơn	HVTC		DT Tây		
594	25	Nông Quỳnh Trang		12-07-1995	CVNV	Lạng Sơn	ĐH kinh tế- ĐHQGHN		DT Tây		
595	26	Nguyễn Thị Vân Trang		15-07-1993	CVNV	Lạng Sơn	ĐH KD và công nghệ HN			Ths	
596	27	Bế Vũ Kiều Trinh		03-05-1998	CVNV	Lạng Sơn	ĐH KTQD		DT Nùng		
597	28	Phan Minh Vũ	06-10-2000		CVNV	Lạng Sơn	ĐH KTQD		DT Dao		
598	29	Chu Văn Vương	25-08-1996		CVNV	Lạng Sơn	ĐH KT & QTKD -ĐH Thái Nguyên		DT Tây		
599	30	Hoàng Hải Yến		03-12-1998	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Ngoại Thương		DT Nùng		
600	31	Triệu Hải Yến		12-04-1999	CVNV	Lạng Sơn	ĐH Ngoại Thương		DT Nùng		

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
VIII	VIII	NHNN CHI NHÁNH LÀO CAI (29 thí sinh)									
601	1	Nguyễn Thị Mai Anh		12-02-1998	CVNV	Lào Cai	HV Chính sách và PT				
602	2	Lê Việt Anh		12-12-1994	CVNV	Lào Cai	HV Nông nghiệp VN				
603	3	Hà Thùy Chi		13-12-1989	CVNV	Lào Cai	ĐH KD và công nghệ HN		DT H'Mông		
604	4	Trần Anh Dũng	18-12-1995		CVNV	Lào Cai	ĐH Thương mại			Ths	
605	5	Lý Hương Giang		26-3-1995	CVNV	Lào Cai	HVTC		DT Tây		
606	6	Nguyễn Thị Thu Hà		31-08-1997	CVNV	Lào Cai	ĐH Tài chính - QTKD				
607	7	Trần Thị Thu Hằng		05-06-1992	CVNV	Lào Cai	ĐH Hùng Vương				
608	8	Trần Thị Tuyết Hoa		21-02-1992	CVNV	Lào Cai	ĐH KTQD				
609	9	Phạm Thị Thu Hương		05-11-1998	CVNV	Lào Cai	HVNH				
610	10	Hồ Thu Hương		28-7-1996	CVNV	Lào Cai	ĐH KD và công nghệ HN		DT Nùng		
611	11	Trương Thị Thu Huyền		12-11-1991	CVNV	Lào Cai	ĐH KTQD				
612	12	Vũ Duy Khánh	26-11-1995		CVNV	Lào Cai	ĐH TCNH Hà Nội				
613	13	Phí Ngọc Khoa	23-04-1999		CVNV	Lào Cai	ĐH KD và công nghệ HN				
614	14	Nguyễn Thị Thùy Linh		23-7-1993	CVNV	Lào Cai	ĐH Lao động XH				
615	15	Hoàng Phương Linh		21-03-1998	CVNV	Lào Cai	ĐH kinh tế - ĐHQGHN				
616	16	Phùng Thị Ninh		02-08-1994	CVNV	Lào Cai	ĐH Ngoại Thương				
617	17	Đỗ Thị Ngọc Mai		05-09-1989	CVNV	Lào Cai	ĐH KTQD			Ths	
618	18	Nguyễn Thùy Mai		11-04-1993	CVNV	Lào Cai	HV Công nghệ BCVT				
619	19	Phí Thị Quỳnh Nga		01-06-1991	CVNV	Lào Cai	ĐH KTQD			Ths	
620	20	Nguyễn Hồng Ngọc		18-11-1999	CVNV	Lào Cai	ĐH Tài chính - QTKD				
621	21	Nguyễn Phúc Trang Nhung		02-06-2000	CVNV	Lào Cai	ĐH Tài chính - QTKD				
622	22	Phạm Hà Phương		19-05-1994	CVNV	Lào Cai	ĐH KTQD		DT Cao Lan		
623	23	Nguyễn Thị Hoài Phương		29-12-1995	CVNV	Lào Cai	HV Chính sách và PT				
624	24	Trần Thị Diễm Quỳnh		10-11-1996	CVNV	Lào Cai	ĐH Ngoại Thương				
625	25	Ngô Phương Thảo		01-12-1998	CVNV	Lào Cai	ĐH Ngoại Thương				

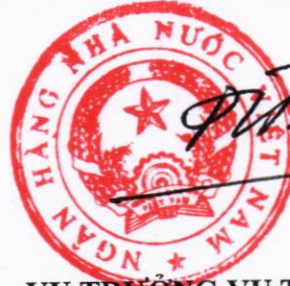
STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đổi tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
626	26	Vũ Thị Thủy		17-07-1993	CVNV	Lào Cai	HVTC				
627	27	Ninh Thị Thu Trang		16-9-1989	CVNV	Lào Cai	HVTC				
628	28	Hoàng Thị Tuyết		15-8-1990	CVNV	Lào Cai	ĐH Hòa Bình	x	DT Dãy		Cử nhân TA
629	29	Phạm Lê Vy		23-12-1998	CVNV	Lào Cai	HV Chính sách và PT				
IX	IX	NHNN CHI NHÁNH PHÚ THỌ (9 thí sinh)									
630	1	Lê Đức Anh	22-05-1993		CVNV	Phú Thọ	ĐH KD và công nghệ HN				
631	2	Trần Thị Mai Anh		22-01-1996	CVNV	Phú Thọ	HVTC			Ths	
632	3	Nguyễn Thị Thùy Anh		15-09-1998	CVNV	Phú Thọ	HVTC				
633	4	Phạm Thị Thúy Hằng		20-10-1986	CVNV	Phú Thọ	ĐH Thương mại			Ths	
634	5	Trần Thị Hồng Ngọc Huyền		26-11-1999	CVNV	Phú Thọ	ĐH KTQD				
635	6	Nguyễn Khánh Linh		09-10-1993	CVNV	Phú Thọ	ĐH Ngoại Thương				
636	7	Hà Phương Ngân		12-12-1990	CVNV	Phú Thọ	ĐH Ngoại Thương				
637	8	Phạm Tuấn Ngọc	30-11-1997		CVNV	Phú Thọ	ĐH KTQD				
638	9	Lê Thị Ngọc Oanh		18-11-1996	CVNV	Phú Thọ	ĐH KTQD				
X	X	NHNN CHI NHÁNH SƠN LA (11 thí sinh)									
639	1	Nguyễn Phương Anh		07-08-1998	CVNV	Sơn La	HVTC				
640	2	Lương Thùy Chinh		03-11-1999	CVNV	Sơn La	ĐH Công nghiệp HN		DT Thái		
641	3	Nguyễn Nhật Cường	26-11-2000		CVNV	Sơn La	HVNH				
642	4	Nguyễn Thị Đức		24-3-1999	CVNV	Sơn La	ĐH KT Kỹ thuật CN				
643	5	Mê Thị Hồng Hạnh		07-6-1995	CVNV	Sơn La	ĐH KTQD		DT Thái		
644	6	Hà Thị Thanh Huyền		29-7-1993	CVNV	Sơn La	ĐH KTQD				
645	7	Nguyễn Thị Liên Phương		25-12-1998	CVNV	Sơn La	ĐH KTQD				
646	8	Cầm Văn Thắng	11-10-1993		CVNV	Sơn La	ĐH KTQD		DT Thái		
647	9	Quảng Thị Anh Thư		28-3-1998	CVNV	Sơn La	ĐH Quốc gia HN		DT Thái		
648	10	Đặng Thị Huyền Trang		01-12-1990	CVNV	Sơn La	HVTC		Con TB		
649	11	Nguyễn Thị Thu Trang		30/3/1996	CVNV	Sơn La	ĐH Công nghiệp HN				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
XI	XI	NHNN CHI NHÁNH TUYỂN QUANG (15 thí sinh)									
650	1	Nguyễn Thị Bằng		28-7-1991	CVNV	Tuyển Quang	ĐH KT & QTKD -ĐH Thái Nguyên		DT Tây		
651	2	Nguyễn Thu Hà		17-12-1989	CVNV	Tuyển Quang	ĐH Ngoại Thương			Ths	
652	3	Vũ Ngọc Hải	04-12-1991		CVNV	Tuyển Quang	ĐH KD và công nghệ HN				
653	4	Đỗ Thị Hào		05-10-1992	CVNV	Tuyển Quang	HVNH		DT Tây	Ths	
654	5	Cao Nam Giang	17-11-2000		CVNV	Tuyển Quang	ĐH Tài chính - QTKD				
655	6	Trần Lý Hương	Giang	16-3-1999	CVNV	Tuyển Quang	HVTC		DT Tây		
656	7	Vũ Minh Khánh		10-3-2000	CVNV	Tuyển Quang	HVTC				
657	8	Trần Thị Nhung		08-9-1998	CVNV	Tuyển Quang	HVNH		DT Cao Lan		
658	9	Trần Thị Hồng Ngọc		16-7-1996	CVNV	Tuyển Quang	ĐH Tài chính - QTKD				
659	10	Nguyễn Thị Hương Thảo		25-7-1989	CVNV	Tuyển Quang	ĐH KTQD			Ths	
660	11	Nguyễn Thu Trang		28-02-1992	CVNV	Tuyển Quang	HVNH			Ths	
661	12	Trịnh Huyền Trang		23-7-1998	CVNV	Tuyển Quang	HVNH				
662	13	Trần Văn Tiến	01-7-1994		CVNV	Tuyển Quang	HVTC		DT Nùng		
663	14	Phạm Trung Thành	11-3-1990		CVNV	Tuyển Quang	ĐH Mở HN			Ths	
664	15	Nguyễn Hương Quỳnh		15-6-1998	CVNV	Tuyển Quang	ĐH Thương mại				
XII	XII	NHNN CHI NHÁNH YÊN BÁI (23 thí sinh)									
665	1	Dương Tùng Anh	22-08-1998		CVNV	Yên Bái	ĐH KD và công nghệ HN				
666	2	Lê Hương Giang		17-11-1998	CVNV	Yên Bái	ĐH Ngoại Thương				
667	3	Đào Lê Thu Hằng		04-08-1999	CVNV	Yên Bái	HVNH				
668	4	Nguyễn Tài Hạnh	30-03-1989		CVNV	Yên Bái	ĐHBK Hà Nội			Ths	
669	5	Nguyễn Thị Huế		09-08-1991	CVNV	Yên Bái	ĐH Công nghiệp HN			Ths	
670	6	Trịnh Quốc Huy	24-6-2000		CVNV	Yên Bái	ĐH KTQD				
671	7	Trần Diệu Linh		08-6-1999	CVNV	Yên Bái	ĐH Ngoại Thương				
672	8	Vũ Thanh Loan		18-3-1999	CVNV	Yên Bái	HVTC				
673	9	Nguyễn Văn Mạnh	17-02-1997		CVNV	Yên Bái	ĐH KTQD				

STT tổng	TT	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
674	10	Đỗ Xuân	Nghĩa	12-9-1993		CVNV	Yên Bái	ĐH Kinh tế & QTKD				
675	11	Nguyễn Nguyên	Ngọc	05-10-1990		CVNV	Yên Bái	ĐH KD và công nghệ HN				
676	12	Vũ Thị Hồng	Nhung		08-12-1993	CVNV	Yên Bái	HVNH				
677	13	Trần Diệu	Ninh		26-7-1992	CVNV	Yên Bái	HVNH				
678	14	Đỗ Mai	Phương		01-12-2000	CVNV	Yên Bái	HVNH				
679	15	Phạm Thị Thu	Phương		24-02-1991	CVNV	Yên Bái	HVTC				
680	16	Đinh Trần	Thanh	9-11-1999		CVNV	Yên Bái	HVTC				
681	17	Lý Phương	Thảo		12-11-2000	CVNV	Yên Bái	HVTC				
682	18	Phạm Minh	Thảo		14-3-1995	CVNV	Yên Bái	HVTC			Ths	
683	19	Trần Anh	Thư		20-12-1999	CVNV	Yên Bái	HVNH				
684	20	Nguyễn Thị Hạnh	Thùy		16-8-2000	CVNV	Yên Bái	ĐH Lao động XH				
685	21	Nguyễn Phương	Trang		16-7-1999	CVNV	Yên Bái	HVTC				
686	22	Lê Thanh	Tùng	02-9-1998		CVNV	Yên Bái	HVNH				
687	23	Ngô Thị Hải	Yến		13-6-2000	CVNV	Yên Bái	HVTC				
C	C	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC TRUNG ƯƠNG										
I	I	CƠ QUAN TTGSNH (12 thí sinh)										
688	1	Nguyễn Thị Vân	Anh		14-04-1996	CV PTPM	CQ TTGSNH	ĐH Thương mại				
689	2	Nguyễn Mạnh	Cường	11-7-1996		CV PTPM	CQ TTGSNH	ĐH KD và Công nghệ				
690	3	Nguyễn Quốc	Đạt	23-10-1990		CV PTPC	CQ TTGSNH	ĐH BK HN		Con TB		
691	4	Hứa Thị	Hạnh		14-08-1990	CV PTPM	CQ TTGSNH	HV KTQS		DT Tây		
692	5	Phạm Diệu	Hằng		06-07-1991	CV PTPM	CQ TTGSNH	ĐHCN & Quản lý Hữu Nghị			Ths	
693	6	Lê Xuân	Hưng	7-10-1978		CV PTPC	CQ TTGSNH	ĐH Công nghệ ĐHQG HN			Ths	
694	7	Nguyễn Bích	Ngọc		27-11-1990	CV PTPM	CQ TTGSNH	ĐH Thương mại			Ths	
695	8	Ngô Thị	Quế		27-7-1983	CV PTPM	CQ TTGSNH	HV KT Quân sự				
696	9	Phạm Ngọc	Quỳnh		10-8-1988	CV PTPC	CQ TTGSNH	ĐH Công nghệ ĐHQG HN			Ths	
697	10	Nguyễn Đức	Tùng	24-06-1998		CV PTPC	CQ TTGSNH	ĐH BKHN				

STT tổng	TT	Họ và tên	Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Vị trí dự tuyển	Đơn vị	Tốt nghiệp trường	Miễn thi Ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Thạc sĩ /Tiến sĩ	Ghi chú (miễn thi TA)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
698	11	Hà Văn Thiệu	4-2-1989		CV PTPM	CQ TTGSNH	ĐH Điện lực				
699	12	Nguyễn Thị Diễm Thu		30-03-1992	CV PTPM	CQ TTGSNH	ĐH Mô Địa chất				
II	II	CỤC CNTT (01 thí sinh)									
700	1	Nguyễn Ngọc Linh	9-05-1996		CV PTPM	Cục CNTT	HVTC				

TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Đặng Văn Tuyên